

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v: tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Lệ Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Thanh Vân**

2. Bà **Dương Tú Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Ngọc T** - sinh năm 1965; Căn cước công dân số 0010650xxxxx cấp ngày 29/8/2024; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 19 ngách 53, ngõ T, phường V, Thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa);

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thu H** - sinh năm 1982; Căn cước công dân số 0351820xxxxx cấp ngày 04/4/2021; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: 19 ngách 53, ngõ T, phường V, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và các văn bản trình bày tại Tòa, nguyên đơn - anh Lê Ngọc T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân phường V, Thành phố Hà Nội). Trước đó khoảng năm 2010, anh và chị H đã ly hôn lần đầu tại Tòa án. Sau đó, anh chị tái hôn và đăng ký kết hôn lần thứ hai như nêu

trên. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài; anh chị thường xuyên xảy ra việc xô xát, cãi cọ nhau. Chị H thường bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Từ tháng 6/2023 đến nay, chị H bỏ đi nơi khác sinh sống, anh và các con không biết chị H sinh sống ở đâu. Chị H cũng không liên lạc gì với gia đình và các con.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

- Con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Lê Diệu L (nữ), sinh ngày 29/01/2004; Lê Kiều T (nữ), sinh ngày 26/12/2006 và Lê Duy A (nam), sinh ngày 09/6/2009. Cháu Lê Diệu L, Lê Kiều T đã thành niên và phát triển khỏe mạnh. Anh T xin nuôi cháu A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đối với bị đơn - chị Phạm Thị Thu H: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị H đều vắng mặt, không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2025, người làm chứng Lê Kiều T (con gái của anh T, chị H) trình bày: Trong quá trình chung sống cùng bố, mẹ, chị thấy bố, mẹ chị sống không hạnh phúc nhiều năm nay. Giữa bố, mẹ chị thường xuyên xảy ra việc cãi cọ, tuy nhiên bố mẹ chị không đánh nhau do quan điểm của bố chị là không đánh phụ nữ. Khi bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn thì mẹ chị thường bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình và con cái. Từ tháng 6/2023 đến nay, mẹ chị đã bỏ đi nơi khác sinh sống và chưa bao giờ quay trở về nhà. Hiện nay mẹ chị ở đâu và làm gì, chị và các thành viên khác trong gia đình không biết. Mẹ chị cũng không liên lạc gì với chồng con và gia đình. Từ khi bỏ đi, mẹ chị cũng không gửi tiền về để nuôi các con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho bố chị được ly hôn để ổn định cuộc sống của bố con chị.

Tại đơn đề nghị ngày 18/4/2025, người làm chứng Lê Duy A (con trai của anh T, chị H) cung cấp toàn bộ nội dung như chị Lê Kiều T đã trình bày nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho bố cháu được ly hôn. Ngoài ra, do cháu sinh ngày 09/6/2009 nên cháu đề nghị được ở cùng bố sau khi bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Ngọc T giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày.

Chị Phạm Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Ngọc T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội) giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị Phạm Thị Thu H. Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường V, Thành phố Hà Nội); căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội).

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc T đối với chị Phạm Thị Thu H. Con chung: xác nhận anh T và chị H có 03 con chung là: Lê Diệu L (nữ), sinh ngày 29/01/2004; Lê Kiều T (nữ), sinh ngày 26/12/2006 và Lê Duy A (nam), sinh ngày 09/6/2009; các con chung Lê Diệu L, Lê Kiều T đã thành niên và khỏe mạnh; giao con chung Lê Duy A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H. Tài sản chung: anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phạm Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường V, Thành phố Hà Nội). Anh Lê Ngọc T có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị Thu H; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội) thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị H;

chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân phường V, Thành phố Hà Nội). Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng của anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị đã từng ly hôn sau đó tái hôn và có thời gian dài sống ly thân. Lời khai của anh T về việc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng là phù hợp với lời khai của người làm chứng là các con của anh, chị.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Anh chị sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc, không có sự yêu thương, cảm thông dành cho nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự và tham gia hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng chị H đều vắng mặt. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc T. Chị Phạm Thị Thu H không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra ý kiến, quan điểm, không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ để xem xét.

Con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh T và chị H có 03 con chung là: Lê Diệu L (nữ), sinh ngày 29/01/2004; Lê Kiều T (nữ), sinh ngày 26/12/2006 và Lê Duy A (nam), sinh ngày 09/6/2009. Các con chung Lê Diệu L, Lê Kiều T đã thành niên và khỏe mạnh. Anh T xin nuôi cháu Lê Duy A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ theo nguyện vọng của cháu Lê Duy A và tình hình thực tế nhiều năm chị H không còn sinh sống cùng gia đình, không nuôi dạy, chăm

sóc con cái nên việc giao con chung Lê Duy A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H là phù hợp quy định pháp luật.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Anh T xác nhận quá trình chung sống anh chị không có khoản vay nợ nào chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc T.

Anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Phạm Thị Thu H.

2. Con chung: Xác nhận anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H có 03 con chung là: Lê Diệu L (nữ), sinh ngày 29/01/2004; Lê Kiều T (nữ), sinh ngày 26/12/2006 và Lê Duy A (nam), sinh ngày 09/6/2009. Các con chung Lê Diệu L, Lê Kiều T đã thành niên. Giao con chung Lê Duy A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H cho đến khi cháu Lê Duy A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Chị Phạm Thị Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí: Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026029 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Anh Lê Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Lê Ngọc T, vắng mặt chị Phạm Thị Thu H. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND Khu vực 2 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

